

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 443/2023/DS-PT
Ngày 20-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tặng cho
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phúc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Ông Trần Trọng Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 405/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 683/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1934;

Địa chỉ: Số B, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà X:

Ông Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1987; Địa chỉ: số H C, phường E, thành phố T, tỉnh Long An.

Và/hoặc ông Võ Minh K, sinh năm 1997; Địa chỉ: ấp K, xã B, huyện B, tỉnh Long An.

(theo Giấy ủy quyền ngày 07/8/2023)

- Bị đơn:

1. Ông Trần Quốc V, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số E, khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Quốc V: Ông Trần Văn T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An (Giấy ủy quyền ngày 10/8/2023).

2. Bà Hồ Thị Kim N, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số E, khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Quốc H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: 2, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Lê Phát Đ, sinh năm 1987 Địa chỉ: 8 C, phường E, thành phố T, tỉnh Long An. (Giấy ủy quyền ngày 20/9/2023)

2. Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An; Địa chỉ trụ sở: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X; bị đơn ông Trần Quốc V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc H.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X và lời trình bày của ông Nguyễn Tuấn D, ông Võ Minh K là người đại diện theo ủy quyền của bà X như sau:

Bà Nguyễn Thị X và ông Trần Văn B kết hôn ngày 18/10/1954. Trong thời kỳ hôn nhân bà X và ông B có tài sản chung là thửa đất số 656, tờ bản đồ số 27, diện tích 1711m², loại đất lúa, tọa lạc tại Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Năm 2018 ông B tự ý tặng cho thửa đất 656 cho bà N theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (QSDĐ) ngày 12/7/2018 được công chứng tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Bà N đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) thửa đất số 656 ngày 03/8/2018. Hiện bà N và chồng bà N là ông Trần Quốc V đang quản lý sử dụng thửa đất này.

Thửa đất số 656 là tài sản chung vợ chồng của bà X và ông B nhưng ông B tự ý tặng cho bà N mà không được sự đồng ý của bà X, vì vậy nay bà X khởi kiện yêu cầu:

- Vô hiệu hợp đồng tặng cho QSDĐ ngày 12/7/2018 giữa ông Trần Văn B với bà Hồ Thị Kim N đối với thửa đất số 656, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, do Ủy ban nhân dân thị trấn T chứng thực số 55, quyền số 01/2018-SCT/HĐ, GD (Hợp đồng tặng cho).

- Hủy GCNQSDĐ thửa đất số 656 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho bà Hồ Thị Kim N ngày 03/8/2018.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà X rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Hồ Thị Kim N và ông Trần Quốc V trả lại thửa số 656 cho bà X. Việc bà X rút một phần yêu cầu khởi kiện vẫn chưa được xem xét đình chỉ giải quyết nên ông V vẫn được xác định là bị đơn trong vụ án.

Bị đơn bà Hồ Thị Kim N trình bày: Bà và ông Trần Quốc V trước đây là vợ chồng, bà không nhớ năm kết hôn. Ông V là con ruột của bà X và ông B. Năm 2018 khi bà và ông V đang là vợ chồng, ông B và bà X có tặng cho thửa đất số 656 cho bà và ông V theo hợp đồng tặng cho QSDĐ ngày 12/7/2018 được công chứng tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, đây là tài sản chung của bà và ông V. Hiện bà và ông V đã ly hôn. Thửa đất 656 ông V cho em ruột là Trần Quốc H thuê để canh tác lúa từ năm 2018 đến nay. Khi ông B, bà X tặng cho thửa đất số 656 đều có mặt ông B và bà X và các con của ông B, bà X, ông V cũng đồng ý để bà đứng tên GCNQSDĐ, nhưng lúc đó hợp đồng được công chứng tại UBND thị trấn T, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có một mình ông B đứng tên nên UBND không yêu cầu bà X ký tên trong hợp đồng tặng cho. Hợp đồng tặng cho đúng trình tự thủ tục theo quy định nên bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu nêu trên của bà X.

Bị đơn ông Trần Quốc V do ông Trần Văn T đại diện trình bày: Ông V là con của bà X và ông B, ông V và bà N trước đây là vợ chồng. Năm 2018 khi ông B làm thủ tục tặng cho thửa đất số 656, do ông V thường xuyên đi làm nên ông V để bà N làm thủ tục nhận tặng cho và đứng tên GCNQSDĐ. Ông V và bà N đã thuận tình ly hôn năm 2019, chưa giải quyết về tài sản chung. Hiện tại thửa đất số 656 ông V cho em ruột là Trần Quốc H thuê để canh tác lúa, giá thuê là 3.400.000đ/năm.

Vì ông V và bà N đã ly hôn nên ông V đồng ý với toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà X, đồng ý vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 656 giữa ông B và N. Ông V cũng là con của bà X và ông B, là người thừa kế của ông B, trường hợp Tòa án vô hiệu hợp đồng tặng cho thì ông V đồng ý giao lại thửa đất số 656 cho bà X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An trình bày tại Đơn xin vắng mặt ngày 18/4/2023 như sau: Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Đồng thời đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án các cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc H trình bày: Ông đang thuê thửa đất số 656 của bà N và ông V để canh tác lúa, giá thuê là 3.400.000đ/năm. Tiền thuê đất năm 2023 ông chưa trả cho ông V, bà N. Nay bà X và ông V, bà N có tranh chấp, ông có ý kiến là nếu Tòa án giải quyết thửa đất 656 thuộc quyền sử dụng của ai thì ông trả tiền thuê QSDĐ cho người đó, ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2022/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ tuyên xử:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được chứng thực số 55, quyển số 01/2018-SCT/HĐ,GD ngày 12/7/2018 giữa ông Trần Văn B với bà Hồ Thị Kim N đối với thửa đất số 656, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc buộc bà Hồ Thị Kim N và ông Trần Quốc V trả lại quyền sử dụng thửa đất số 656, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị X phải chịu 1.328.000đồng, bà X đã nộp xong.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X được miễn nộp tiền án phí vì là người cao tuổi.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X kháng cáo; Ngày 20 tháng 9 năm 2023 bị đơn ông Trần Quốc V kháng cáo; Ngày 02/10/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc H kháng cáo. Bà X, ông V, ông H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận:

Ông D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà X trình bày: Quyền sử dụng đất thửa 656 ông Ba tặng cho bà N là tài sản chung của bà X và ông B, ông B tự ý tặng cho bà N thửa 656 mà không có chữ ký và không có sự đồng ý của bà X, bà X không biết ông V bà N sử dụng thửa đất 656. Án sơ thẩm nhận định bà N biết là chủ quan không có căn cứ. Ông V là người thường xuyên chở bà X đi bệnh viện khám bệnh nên ông H trả tiền thuê đất cho ông V để ông V có thu nhập lo cho bà X. Bà N lợi dụng ông B đã lớn tuổi (thời điểm ký hợp đồng tặng cho ông B 80 tuổi) để ý ký tên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà N. Bà N trình bày sự việc này bà X, ông V, ông H, ông D1 biết và đồng ý là không có cơ sở. Án sơ thẩm nhận định năm 2019 khi bà X ông Ba t cho quyền sử dụng đất phần còn lại của thửa 128 cho ông D1 thì lúc đó bà N là người ký giáp ranh chủ sử dụng đất liền kề nên bà X, ông H, ông D1 biết bà N là chủ sử dụng thửa đất 656 là không đủ cơ sở. Thửa đất 656 bà N không trực tiếp sử dụng mà do ông H sử dụng từ năm 2018 đến nay. Việc ông H thuê thửa 656 không phải thuê của bà N ông V mà thuê của bà X. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà X sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà N với ông B và Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N đối với thửa 656.

Ông T là người đại diện theo ủy quyền của ông V thống nhất với quan điểm của ông D, không bổ sung gì thêm.

Bị đơn bà N trình bày: Bà X, ông H cho rằng việc ông Ba t cho bà thửa đất 656 bà X, ông H không biết là không đúng sự thật. Trước khi tặng cho tại nhà của ông B bà X đã bàn thống nhất tặng cho bà và ông V thửa đất 656, nhưng lúc đó ông V đi làm xa nên đã đồng ý để bà N đứng tên quyền sử dụng đất trong hợp đồng tặng cho, khi tách thửa đất cán bộ địa chính có đo đạc và xác định rõ vị trí đất lúc đó bà X có mặt chứng kiến bà biết rõ sự việc nhưng không phản đối gì. Do hợp đồng tặng cho được chứng thực tại UBND thị trấn T, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ một mình ông B đứng tên nên cán bộ UBND thị trấn không yêu cầu bà X ký tên trong hợp đồng tặng cho. Sau đó bà N đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước khi được tặng thì phần đất này bà N và ông V đã được ông B và bà X cho sử dụng từ năm 1997. Đến năm 2019 khi bà N và ông V ly hôn nhưng chưa chia tài sản chung là quyền sử dụng đất thì ông V đã cho ông H

là em ruột của ông V thuê thửa đất này, giá thuê mỗi năm là 3.400.000đồng và ông H là người trực tiếp trả tiền thuê cho ông V. Ông H là người sống chung nhà với bà X nên bà X cũng biết việc này. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà X, ông V và ông H, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Theo Văn bản số 1177/CNVPĐKĐĐ ngày 30/11/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đ1 tại huyện T, tỉnh Long An xác định nguồn gốc thửa đất 656 được tách từ thửa đất số 128, tờ bản đồ số 27. Theo Văn bản số 539/CNVPĐKĐĐ ngày 13/6/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ1 tại huyện T, tỉnh Long An xác định thửa đất số 128 được tách thành 03 thửa 656, 655 và 128 (pcl) và ông Trần Văn B tặng cho bà N thửa 656, tặng cho ông H thửa 655, tặng cho ông Trần Văn D2 thửa 128 (pcl).

Trên các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với ông H và ông D2 đều có chữ ký của ông B và bà X, nhưng trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 656 giữa ông B và bà N ngày 12/7/2018 chỉ có chữ ký của một mình ông B mà không có ý kiến và chữ ký của bà X.

Theo lời trình bày của bà N, ông V thì việc ông B t cho thửa 656 vào năm 2018 là tặng cho vợ chồng ông V. Ông V đồng ý để bà N làm thủ tục nhận tặng cho và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông V đi làm vắng nhà. Bà X sống cùng với con là ông Trần Quốc H và ông H cũng trình bày trong quá trình giải quyết vụ án là ông thuê thửa đất 656 của bà N và ông V từ năm 2018 cho đến nay với giá 3.400.000đ/năm, bà N trình bày tiền thuê đất ông H giao cho ông V, bà không nhận tiền thuê đất của ông H. Từ khi bà N và ông V được tặng cho đến năm 2021 không ai phản đối hay tranh chấp. Năm 2019 ông Trần Văn D2 (con của ông B và bà X) làm thủ tục chuyển nhượng thửa 128 (pcl), có tiến hành đo đạc và bà N có ký tên vào biên bản giáp ranh vì là chủ sử dụng thửa đất 656 giáp với thửa 128 (pcl), nghĩa là tại thời điểm này ông D2 đã biết bà N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 656. Ông B chết năm 2021. Hiện những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông B có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế và không có tranh chấp.

Như vậy, có cơ sở xác định bà N và ông V đã sử dụng đất và bà N cũng đã tiến hành việc kê khai đất, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà X và những người con khác trong gia đình không có ý kiến phản đối gì nên xác định bà N và ông V đã được tặng cho quyền sử dụng đất thửa số 656. Do đó kháng cáo bà X, ông V, ông H là không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Quốc V1 và ông Trần Quốc H. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các đương sự Nguyễn Thị X, ông Trần Quốc V và ông Trần Quốc H đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Ủy ban nhân dân thị trấn T, người đại diện theo ủy quyền của ông H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Xét kháng cáo của bà X, ông V, ông H yêu cầu vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được UBND thị trấn T chứng thực số 55, quyền số 01/2018-SCT/HĐ,GD ngày 12/7/2018 giữa ông Trần Văn B với bà Hồ Thị Kim N đối với thửa đất số 656. Lý do các ông/bà yêu cầu vô hiệu hợp đồng trên do hợp này không có chữ và sự đồng ý của bà X. Xét thấy:

[3.1] Theo Văn bản số 539/CNVPĐKĐĐ ngày 13/6/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ1 tại huyện T, tỉnh Long An (bút lục 171) xác định: Thửa đất 128, tờ bản đồ số 27, diện tích 6875,9m² được hình thành (cấp đổi) từ thửa 532 và thửa 533, tờ bản đồ số 02 do ông Trần Văn B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/7/1997. Năm 2018 thửa đất số 128 được tách thành 03 thửa 656, 655 và 128 (phần còn lại). Ông Trần Văn B tặng cho bà N thửa 656, tặng cho ông H thửa 655, tặng cho ông Trần Văn D2 thửa 128 (pcl). Cụ thể như sau: Ngày 12/7/2018 ông Trần Văn B đã tặng cho vợ chồng ông Trần Văn V2 bà Hồ Thị Kim N, ông V2 đề N đứng tên trong hợp đồng tặng cho và quyền sử dụng đất thửa đất 656, diện tích 1711m². Hợp đồng này được UBND thị trấn T chứng thực ngày 12/7/2018.

[3.2] Bà X cho rằng ông B tự ý tặng cho quyền sử dụng đất cho bà N, bà X không biết và không sự đồng ý của bà X. Bà N trình bày việc tặng quyền sử dụng đất này ông B đã bàn với bà X, bà X và các con trong gia đình, bà X và các con đồng ý nên mới yêu cầu đo đạc để tách thửa đất 128, do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ do một mình ông B đứng tên nên UBND thị trấn không yêu cầu bà X ký tên trong hợp đồng tặng cho. Sau khi ông Ba tặng cho quyền sử dụng đất thửa 656 cho bà N, đến ngày 20/12/2018 ông B và bà X tiếp tục tặng cho một phần thửa đất 128, diện tích 3.116,6m² được tách thành thửa 655 tặng cho ông Trần Quốc H. Khi làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho ông H thì ông B và bà X đều biết rõ quyền sử dụng đất thửa 656 đã được tặng cho N trước đó và đã được cập nhật biến động tại mặt sau (bút lục 144, 133). Đến ngày 11/6/2019 ông B và bà X tặng cho quyền sử dụng đất thửa 128 (pcl), diện tích 1432,8m² cho ông Trần Văn D2. Ngày 15/03/2022 khi ông D2 chuyển nhượng thửa đất 128 cho ông Phạm Văn N1 có lập biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất và bà N có ký biên bản giáp ranh với tư cách là chủ sử dụng thửa đất 656 (bút lục 130). Mặt khác, thửa đất 656 trước khi ông B lập hợp đồng tặng cho bà N thì thửa đất này đã được giao cho vợ chồng bà N và V2 sử dụng từ năm 1997 đến nay. Năm 2019 bà N và V2 ly hôn thì ông V2 đã cho ông H là em ruột - người sống chung nhà với bà X thuê lại thửa đất này với giá 3.400.000đồng/năm, ông H thừa nhận sự việc này và trực tiếp trả tiền thuê đất cho ông V2 từ năm 2018 đến nay.

[3.3] Như vậy, có cơ sở xác định bà N và ông V2 là chủ sử dụng thửa đất 656 từ năm 2018 đến nay, bà X và tất cả các thành viên trong gia đình không phản đối hay ngăn cản gì. Do đó, có cơ sở xác định bà X có biết và đồng ý việc ông Ba t cho thửa đất 656 cho bà N. Do đó, bà X, ông V2, ông H kháng cáo yêu cầu vô hiệu hợp

đồng tặng cho quyền sử dụng đất được UBND thị trấn T chứng thực số 55 ngày 12/7/2018 giữa ông Trần Văn B với bà Hồ Thị Kim N đối với thửa đất 656, tờ bản đồ số 27, đất tại thị trấn T, huyện T và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà N được cấp đối với thửa đất 656 là không căn cứ chấp nhận, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà X được miễn án phí dân sự phúc thẩm do trên 60 tuổi. Ông V2 và ông H mỗi người phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị X, ông Trần Quốc V, ông Trần Quốc H;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 70/2023/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 57, 165, 227, 228, 244, 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 99, Điều 106, Điều 167, Điều 195 của Luật đất đai 2013; Điều 500, 503 Bộ luật dân sự 2015; Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12, Điều 26. Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc vô hiệu đồng tặng cho quyền sử dụng đất được chứng thực số 55, quyền số 01/2018-SCT/HĐ,GD ngày 12/7/2018 giữa ông Trần Văn B với bà Hồ Thị Kim N đối với thửa đất số 656, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc buộc bà Hồ Thị Kim N và ông Trần Quốc V trả lại quyền sử dụng thửa đất số 656, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị X phải chịu 1.328.000đồng, bà X đã nộp xong.

4. Về án phí:

4.1. Bà Nguyễn Thị X được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

4.2. Ông Nguyễn Quốc V1 và ông Nguyễn Quốc H1 mỗi người phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông V1 và ông huy đã nộp theo biên lai thu số 0005018 ngày 20/9/2023 và biên lai thu số 0005026 ngày 02/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Trụ.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Trụ ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Phúc

Các thẩm phánThẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn C – N Trịnh Thị P